CON SỐ NỔI BẬT

801-1000 XẾP HẠNG THẾ GIỚI THE & QS 2022

147 XẾP HẠNG CHÂU Á QS 2022

301-350 XẾP HẠNG CHÂU Á THE 2022

4.754 CÁN BỘ Staff

- **2.634** Cán bộ khoa học / Academic Staff
- **63** Nhà giáo nhân dân / People's Teachers
- **141** Nhà giáo ưu tú / Meritorious Teachers
- **67** Giáo sư / Professors
- **431** Phó Giáo sư / Associate Professors
- **1.639** Tiến sĩ và Tiến sĩ Khoa học / Doctors of Philosophy and Doctors of Science

37 ĐƠN VỊ VNU members

- **09** Trường đại học thành viên / Universities
- **07** Viện nghiên cứu thành viên và trực thuộc / Research Institutes
- **04** Trường và Khoa trực thuộc / Affiliated Schools
- **02** Trung tâm đào tạo và nghiên cứu / Training and Research Centres
- **16** Đơn vị hỗ trợ và dịch vụ / Service Units

34 NHÓM NGHIÊN CỨU Research Groups

- **28** Nhóm nghiên cứu mạnh / Strong research groups
- **06** Nhóm nghiên cứu tiềm năng / Promising research groups

64.864 NGƯỜI HỌC Students

- **6.085** Học sinh THCS và THPT / Secondary and High school students
- **51.012** Sinh viên / Undergraduate students
- **6.773** Học viên cao học và nghiên cứu sinh / Graduate students
- **994** Sinh viên quốc tế / International students

210 PHÒNG THÍ NGHIỆM Laboratories

- **01** Phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia / National key laboratory
- **09** Phòng thí nghiệm trọng điểm cấp ĐHQGHN / VNU Key laboratories
- **38** Phòng thí nghiệm mục tiêu / Target laboratories
- **140** Trung tâm/Phòng thí nghiệm chuyên đề / Specialized centres/laboratories
- **22** Trung tâm/Phòng thí nghiệm thực hành cơ sở / General practice centres/laboratories

506 CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO Training programs

- **190** Chương trình đào tạo đại học / Undergraduate programs
- **198** Chương trình đào tạo thạc sĩ / Master's programs
- **118** Chương trình đào tạo tiến sĩ / Doctoral programs

1.610 SẢN PHẨM KH&CN S&T products *(NĂM 2022)*

- **1.509** Bài báo ISI và/hoặc SCOPUS / ISI and/or SCOPUS articles
- **86** Sáng chế, giải pháp hữu ích / Inventions and utility solutions
- **15** Sản phẩm chuyển giao và khởi nghiệp / Startup and transferred products

55 GIẢI THƯỞNG Awards

- **18** Giải thưởng Hồ Chí Minh / Ho Chi Minh Awards
- **13** Giải thưởng Nhà nước / State Awards
- **03** Giải thưởng quốc tế / International Awards
- **04** Giải thưởng Tạ Quang Bửu / Ta Quang Buu Award
- **17** Giải thưởng khác / Other Awards

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
VNU